

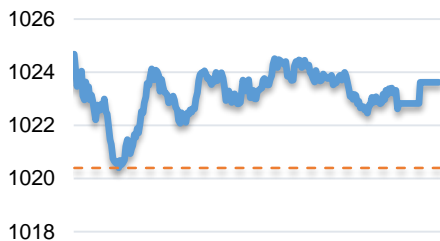
Market Today: Khối ngoại tiếp tục bán ròng mạnh

04/10/2018

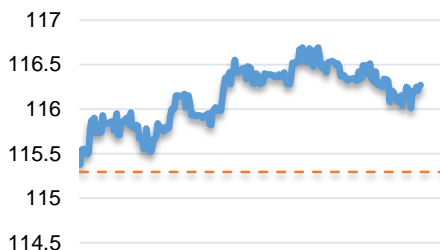
| Diễn biến thị trường trong phiên | | | |
|----------------------------------|----------|--------|-------|
| Rating | VNI | HNI | UPCOM |
| Điểm | 1,023.62 | 116.27 | 54.55 |
| % ngày | 0.32 | 0.85 | 0.26 |
| % tuần | 0.81 | 0.16 | 0.66 |
| % tháng | 4.89 | 4.54 | 5.82 |
| % năm | 27.05 | 8.23 | 1.23 |
| GTGD (Tỷ đồng) | | | |
| Trong ngày | 3,477 | 619 | 375 |
| Hôm qua | 4,865 | 866 | 430 |
| TB 1 tháng | 4,017 | 647 | 349 |
| Khối ngoại (Tỷ đồng) | | | |
| Mua | 470.93 | 59.77 | 44.63 |
| Bán | 905.39 | 30.25 | 42.29 |
| Giá trị ròng | (434.46) | 29.52 | 2.34 |
| Độ rộng TT | | | |
| Mã Tăng | 162 | 81 | 76 |
| Mã Giảm | 100 | 76 | 73 |
| Không Đổi | 91 | 227 | 585 |
| Chỉ số chính | | | |
| P/E | 18.4x | 10.8x | 7.4x |
| Vốn hóa TT (ngàn tỷ) | 3,265 | 207 | 1,021 |
| LS Cổ tức | 2.06 | 2.18 | 4.37 |

Nguồn: Bloomberg – Yuanta Retail Research

VNINDEX



HNX INDEX



DIỄN BIẾN THỊ TRƯỜNG

Sắc đỏ bao phủ toàn bộ thị trường châu Á với những thị trường giảm mạnh trong phiên bao gồm thị trường Ấn Độ giảm hơn 2% trong phiên và những thị trường giảm mạnh 1% trong phiên như Taiwan, HongKong, Hàn Quốc, Indonesia...

Đầu phiên thị trường Việt Nam có những biến động mạnh tuy nhiên vào phiên chiều thị trường giao động trong biên độ hẹp. Chỉ số VN-Index tăng 0.32% xuống 1,023.62 điểm; chỉ số HNX-Index tăng 0.85% xuống 116.27 điểm và chỉ số Upcom-Index giảm nhẹ 0.26% xuống 54.55 điểm. Thanh khoản thị trường ở mức khá với giá trị giao dịch đạt gần 6,000 tỷ đồng trên cả 3 sàn.

Nhóm ngành thu hút dòng tiền trong phiên là nhóm ngành dầu khí và ngân hàng. Một vài Bluechips như MSN, HPG, FPT, VRE, VHM, PNJ, MWG... cũng giữ vững sắc xanh giúp giữ đà tăng cho thị. Đối lập với những VIC vẫn là cổ phiếu tạo áp lực lớn nhất lên thị trường chung khi giảm 1.6% xuống và VCS giảm sâu 5.9%.

Khối ngoại trong phiên bán ròng hơn 430 tỷ đồng trên sàn HSX và những mã bị bán ròng nhiều nhất là HPG (-194 tỷ), MSN (-91 tỷ), VCB (-54 tỷ), VJC (30 tỷ), HDB (19 tỷ). Các nhà đầu tư ngoại mua ròng trên sàn HNX và Upcom tuy nhiên lượng mua ròng không đáng kể.

NHẬN ĐỊNH THỊ TRƯỜNG

Chúng tôi cho rằng thị trường có thể sẽ bước vào giai đoạn tích lũy và biến động hẹp với mức độ thanh khoản sẽ tiếp tục giảm. Đồng thời, theo hệ thống chỉ báo kỹ thuật ngắn hạn, các chỉ số chính có thể sẽ chưa thể vượt được đường trung bình 200 ngày và rủi ro ngắn hạn tiếp tục có chiều hướng tăng dần cho nên vị thế mua mới sẽ có độ rủi ro cao. Ngoài ra, trạng thái tâm lý nhà đầu tư cải thiện nhẹ, nhưng vẫn ở mức thấp và khối ngoại có khả năng sẽ chứng lại xu hướng mua ròng trong ngắn hạn do ảnh hưởng từ đà tăng ngắn hạn của đồng USD.

Hệ thống chỉ báo xu hướng của chúng tôi vẫn duy trì mức TĂNG xu hướng ngắn hạn trên hai chỉ số với mức cắt lỗ của hệ thống ở mức 1,002.45 điểm của chỉ số VN-Index và 113.87 điểm của chỉ số HNX-Index. Do đó, chúng tôi khuyến nghị các nhà đầu tư ngắn hạn có thể chưa nên mở vị thế mua mới và cơ cấu lại danh mục ngắn hạn.

Tỷ trọng khuyến nghị ngắn hạn: 71% cổ phiếu/29% tiền mặt.

(Bảng đánh giá xu hướng của các cổ phiếu theo dõi được cập nhật ở trang sau).



We Create **Fortune**

BIỂU ĐỒ PHÂN TÍCH KỸ THUẬT



Diễn biến thị trường của chỉ số VN-Index



Diễn biến thị trường của chỉ số HNX-Index

| | Xu hướng ngắn hạn | Xu hướng trung hạn | Mức kháng cự 1 | Mức kháng cự 2 | Mức hỗ trợ 1 | Mức hỗ trợ 2 |
|------------------|-------------------|--------------------|----------------|----------------|--------------|--------------|
| Chỉ số VN-Index | TĂNG | GIẢM | 1,000 | 1,044 | 955 | 890 |
| Chỉ số HNX-Index | TĂNG | TĂNG | 120.5 | 126.5 | 110.5 | 103.5 |



We Create Fortune

BẢNG THEO DÕI XU HƯỚNG CÁC CỔ PHIẾU

| CP | Giá | Xu hướng ngắn hạn | Xu hướng trung hạn | Giá mua ngắn hạn | Mức cắt lỗ ngắn hạn | %LN ngắn hạn tạm tính | Tín hiệu ngắn hạn | Giá mua trung hạn | Mức cắt lỗ trung hạn | %LN trung hạn tạm tính | Tín hiệu trung hạn |
|-----|--------|-------------------|--------------------|------------------|---------------------|-----------------------|-------------------|-------------------|----------------------|------------------------|--------------------|
| AAA | 17.15 | GIẢM | GIẢM | | 17.82 | | | | 19.57 | | |
| ACB | 34.00 | TĂNG | GIẢM | 30.96 | 33.02 | 9.82% | | | 36.35 | | |
| ACV | 86.00 | GIẢM | GIẢM | | 89.68 | | | | 93.16 | | |
| ANV | 23.50 | TĂNG | TĂNG | 18.90 | 22.16 | 24.34% | | 21.45 | 16.87 | 9.56% | |
| ASM | 12.60 | TĂNG | GIẢM | 13.30 | 12.42 | -5.26% | | | 14.14 | | |
| BFC | 27.90 | TĂNG | GIẢM | 27.90 | 27.90 | 0.00% | MUA | | 28.92 | | |
| BHN | 91.90 | TĂNG | GIẢM | 83.60 | 85.79 | 9.93% | | | 101.13 | | |
| BID | 36.75 | TĂNG | TĂNG | 25.80 | 34.45 | 42.44% | | 33.40 | 28.47 | 10.03% | |
| BMP | 67.60 | TĂNG | TĂNG | 56.20 | 63.93 | 20.28% | | 63.50 | 62.30 | 6.46% | MUA |
| BSR | 20.20 | TĂNG | TĂNG | 18.10 | 19.20 | 11.60% | | 20.00 | 19.99 | 1.00% | MUA |
| BVH | 95.50 | TĂNG | TĂNG | 95.70 | 92.25 | -0.21% | | 86.00 | 79.57 | 11.05% | |
| BWE | 20.05 | TĂNG | TĂNG | 17.70 | 18.97 | 13.28% | | 20.00 | 19.20 | 0.25% | MUA |
| CEO | 13.90 | TĂNG | GIẢM | 13.40 | 13.33 | 3.73% | | | 14.91 | | |
| CHP | 22.70 | GIẢM | TĂNG | | 22.90 | | | 23.50 | 22.03 | -3.40% | |
| CSM | 16.25 | TĂNG | TĂNG | 14.25 | 15.13 | 14.04% | | 14.39 | 12.77 | 12.92% | |
| CTD | 164.80 | TĂNG | TĂNG | 149.50 | 162.27 | 10.23% | | 161.20 | 142.39 | 2.23% | |
| CTG | 27.70 | TĂNG | TĂNG | 24.00 | 26.63 | 15.42% | | 28.10 | 22.62 | -1.42% | |
| CTI | 25.40 | GIẢM | GIẢM | | 27.21 | | | | 30.15 | | |
| CVT | 27.80 | TĂNG | GIẢM | 27.05 | 26.91 | 2.77% | | | 29.20 | | |
| DCM | 11.10 | TĂNG | TĂNG | 10.16 | 10.66 | 9.23% | | 11.00 | 10.69 | 0.91% | MUA |
| DGW | 27.05 | TĂNG | TĂNG | 23.90 | 26.01 | 13.18% | | 27.50 | 22.65 | -1.64% | |
| DHA | 29.60 | TĂNG | TĂNG | 28.20 | 28.47 | 4.96% | | 29.10 | 28.49 | 1.72% | MUA |
| DHC | 41.60 | GIẢM | TĂNG | | 44.76 | | | 44.60 | 37.07 | -6.73% | |
| DHG | 94.00 | GIẢM | GIẢM | 95.30 | 96.74 | 1.51% | BÁN | | 104.17 | | |
| DPG | 51.60 | TĂNG | TĂNG | 40.90 | 49.96 | 26.16% | | 52.00 | 42.03 | -0.77% | |
| DPM | 19.30 | TĂNG | TĂNG | 18.10 | 18.82 | 6.63% | | 19.40 | 18.72 | -0.52% | MUA |
| DPR | 39.05 | TĂNG | TĂNG | 37.50 | 37.33 | 4.13% | | | 38.96 | | |
| DQC | 29.60 | TĂNG | GIẢM | 29.55 | 27.96 | 0.17% | | | 30.33 | | |
| DRC | 26.80 | TĂNG | TĂNG | 25.85 | 26.53 | 3.68% | | 24.30 | 23.82 | 10.29% | |
| DXG | 29.40 | GIẢM | TĂNG | | 29.83 | | | 29.80 | 23.61 | -1.34% | |
| ELC | 9.00 | GIẢM | GIẢM | 9.65 | 9.60 | -0.47% | BÁN | | 10.45 | | |
| FCN | 16.70 | TĂNG | TĂNG | 16.45 | 16.09 | 1.52% | | 17.70 | 14.10 | -5.65% | |
| FIT | 4.11 | GIẢM | GIẢM | | 4.34 | | | | 4.98 | | |
| FMC | 28.30 | TĂNG | TĂNG | 21.20 | 26.81 | 33.49% | | 24.70 | 23.18 | 14.57% | |
| FPT | 45.85 | TĂNG | TĂNG | 44.55 | 44.96 | 2.92% | | 45.90 | 40.10 | -0.11% | |
| GAS | 124.00 | TĂNG | TĂNG | 101.50 | 115.67 | 22.17% | | 103.00 | 92.87 | 20.39% | |
| GEX | 29.50 | TĂNG | TĂNG | 29.50 | 29.11 | 0.00% | MUA | 30.10 | 25.97 | -1.99% | |
| GIL | 38.05 | GIẢM | TĂNG | | 39.64 | | | 34.90 | 34.81 | 9.03% | |

We Create Fortune

| | | | | | | | | | | | |
|-----|--------|------|------|--------|--------|--------|--|--------|--------|---------|-----|
| GMD | 27.70 | TĂNG | TĂNG | 25.40 | 26.16 | 9.06% | | 27.30 | 22.87 | 1.47% | |
| GTN | 11.90 | TĂNG | TĂNG | 11.25 | 11.39 | 5.78% | | 11.20 | 9.83 | 6.25% | |
| HAG | 5.99 | GIẢM | TĂNG | | 6.35 | | | 6.19 | 5.86 | -3.23% | |
| HAX | 18.70 | TĂNG | TĂNG | 16.40 | 17.82 | 14.02% | | 18.50 | 18.40 | 1.08% | MUA |
| HBC | 24.60 | TĂNG | GIẢM | 23.80 | 23.89 | 3.36% | | | 26.74 | | |
| HDB | 38.75 | TĂNG | GIẢM | 38.20 | 38.12 | 1.44% | | | 42.32 | | |
| HNG | 16.85 | GIẢM | TĂNG | | 17.21 | | | 8.20 | 14.25 | 105.49% | |
| HPG | 41.40 | TĂNG | GIẢM | 37.20 | 41.01 | 11.29% | | | 42.50 | | |
| HSG | 12.60 | TĂNG | GIẢM | 11.35 | 11.89 | 11.01% | | | 13.04 | | |
| HT1 | 15.45 | TĂNG | TĂNG | 11.75 | 14.56 | 31.49% | | 13.00 | 12.02 | 18.85% | |
| HUT | 6.00 | TĂNG | GIẢM | 5.80 | 5.58 | 3.45% | | | 6.47 | | |
| HVN | 39.90 | TĂNG | TĂNG | 41.30 | 39.33 | -3.39% | | 39.20 | 31.92 | 1.79% | |
| ITD | 12.95 | TĂNG | TĂNG | 12.90 | 12.42 | 0.39% | | 12.40 | 11.14 | 4.44% | |
| KBC | 13.30 | TĂNG | TĂNG | 12.40 | 12.44 | 7.26% | | | 13.24 | | |
| KDH | 34.70 | TĂNG | TĂNG | 30.30 | 32.91 | 14.52% | | 33.40 | 28.27 | 3.89% | |
| KSB | 35.40 | TĂNG | TĂNG | 33.00 | 32.90 | 7.27% | | 34.20 | 33.01 | 3.51% | MUA |
| LCG | 9.55 | TĂNG | TĂNG | 9.46 | 9.05 | 0.95% | | 9.39 | 8.35 | 1.70% | |
| LDG | 18.60 | TĂNG | TĂNG | 15.00 | 16.55 | 24.00% | | 16.50 | 12.14 | 12.73% | |
| LIX | 49.80 | TĂNG | TĂNG | 41.20 | 47.00 | 20.87% | | 44.40 | 43.61 | 12.16% | |
| LPB | 10.60 | TĂNG | GIẢM | 9.50 | 10.01 | 11.58% | | | 10.88 | | |
| LSS | 7.50 | TĂNG | GIẢM | 7.22 | 7.00 | 3.88% | | | 7.75 | | |
| MSN | 93.90 | GIẢM | TĂNG | | 94.90 | | | 90.60 | 81.25 | 3.64% | |
| MWG | 128.90 | TĂNG | TĂNG | 122.00 | 123.83 | 5.66% | | 121.00 | 107.68 | 6.53% | |
| NKG | 15.15 | TĂNG | GIẢM | 13.70 | 14.40 | 10.58% | | | 15.54 | | |
| NLG | 32.00 | TĂNG | TĂNG | 31.75 | 31.26 | 0.79% | | 32.40 | 27.54 | -1.23% | |
| NT2 | 26.10 | TĂNG | GIẢM | 25.74 | 25.61 | 1.41% | | | 27.15 | | |
| NTL | 9.80 | TĂNG | TĂNG | 10.35 | 9.72 | -5.31% | | 10.45 | 8.94 | -6.22% | |
| NTP | 49.90 | TĂNG | TĂNG | 51.50 | 48.18 | -3.11% | | 51.50 | 41.38 | -3.11% | |
| PAC | 46.50 | TĂNG | TĂNG | 40.20 | 45.32 | 15.67% | | 44.10 | 38.28 | 5.44% | |
| PC1 | 27.00 | GIẢM | GIẢM | | 29.02 | | | 28.50 | 28.42 | -0.27% | MUA |
| PDR | 27.00 | TĂNG | GIẢM | 26.50 | 26.31 | 1.89% | | | 28.77 | | |
| PGC | 15.05 | TĂNG | GIẢM | 14.35 | 14.36 | 4.88% | | | 15.41 | | |
| PHR | 27.65 | TĂNG | TĂNG | 21.90 | 25.87 | 26.26% | | 24.00 | 22.85 | 15.21% | |
| PLX | 71.50 | TĂNG | TĂNG | 60.50 | 70.08 | 18.18% | | 68.00 | 61.09 | 5.15% | |
| PNJ | 108.00 | TĂNG | TĂNG | 103.50 | 101.50 | 4.35% | | 103.90 | 86.95 | 3.95% | |
| POW | 16.50 | TĂNG | TĂNG | 13.00 | 15.70 | 26.92% | | 14.10 | 13.30 | 17.02% | |
| PPC | 20.30 | TĂNG | TĂNG | 18.50 | 19.38 | 9.73% | | 20.10 | 19.21 | 1.00% | MUA |
| PTB | 64.00 | TĂNG | TĂNG | 62.40 | 59.86 | 2.56% | | 64.00 | 53.16 | 0.00% | |
| PVD | 21.90 | TĂNG | TĂNG | 15.75 | 19.69 | 39.05% | | 16.35 | 13.84 | 33.94% | |
| PVI | 34.00 | TĂNG | TĂNG | 29.90 | 32.52 | 13.71% | | 33.00 | 28.37 | 3.03% | |
| PVS | 24.40 | TĂNG | TĂNG | 17.00 | 22.35 | 43.53% | | 20.90 | 18.30 | 16.75% | |
| PXS | 6.92 | TĂNG | TĂNG | 6.17 | 6.53 | 12.16% | | 6.19 | 5.11 | 11.79% | |
| RAL | 101.00 | TĂNG | TĂNG | 91.00 | 95.77 | 10.99% | | 103.60 | 80.99 | -2.51% | |



We Create Fortune

| | | | | | | | | | | | |
|-----|--------|------|------|--------|--------|--------|--|--------|--------|---------|-----|
| REE | 36.95 | TĂNG | TĂNG | 36.70 | 35.62 | 0.68% | | 36.40 | 31.68 | 1.51% | |
| SAB | 226.00 | TĂNG | GIẢM | 208.00 | 219.86 | 8.65% | | | 233.02 | | |
| SAM | 7.60 | GIẢM | TĂNG | | 8.01 | | | 7.75 | 7.06 | -1.94% | |
| SBV | 24.00 | TĂNG | GIẢM | 26.20 | 23.86 | -8.40% | | | 26.95 | | |
| SCR | 9.56 | TĂNG | GIẢM | 9.47 | 9.34 | 0.95% | | | 10.30 | | |
| SHI | 6.29 | TĂNG | TĂNG | 6.27 | 6.15 | 0.32% | | 6.99 | 5.88 | -10.01% | |
| SJS | 18.95 | GIẢM | GIẢM | | 20.12 | | | | 21.87 | | |
| SKG | 24.20 | TĂNG | TĂNG | 23.70 | 23.55 | 2.11% | | 23.10 | 21.13 | 4.76% | |
| SSI | 33.30 | TĂNG | GIẢM | 29.55 | 31.37 | 12.69% | | | 34.19 | | |
| STB | 13.85 | TĂNG | TĂNG | 11.20 | 13.24 | 23.66% | | 13.50 | 12.71 | 2.59% | MUA |
| SVC | 47.00 | TĂNG | GIẢM | 44.90 | 41.67 | 4.68% | | | 47.58 | | |
| TCB | 30.20 | TĂNG | GIẢM | 26.60 | 27.89 | 13.53% | | | N/A | | |
| TCM | 30.00 | TĂNG | TĂNG | 17.80 | 27.92 | 68.54% | | 21.60 | 24.40 | 38.89% | |
| TDH | 12.75 | TĂNG | TĂNG | 11.75 | 11.53 | 8.51% | | | 12.71 | | |
| TLH | 7.76 | TĂNG | GIẢM | 7.49 | 7.46 | 3.60% | | | 7.98 | | |
| TMT | 11.55 | TĂNG | TĂNG | 9.84 | 9.92 | 17.38% | | 9.29 | 7.09 | 24.33% | |
| TNG | 17.80 | TĂNG | TĂNG | 10.80 | 16.52 | 64.81% | | 12.00 | 12.47 | 48.33% | |
| TYA | 10.40 | GIẢM | GIẢM | | 10.68 | | | | 11.81 | | |
| VCB | 63.00 | GIẢM | TĂNG | | 65.00 | | | 64.60 | 55.41 | -2.48% | |
| VFG | 35.80 | GIẢM | TĂNG | | 37.11 | | | 34.39 | 32.56 | 4.09% | |
| VGC | 18.80 | GIẢM | GIẢM | | 19.50 | | | | 21.13 | | |
| VHM | 102.60 | TĂNG | N/A | 106.00 | 101.61 | -3.21% | | | | | |
| VIB | 29.40 | TĂNG | GIẢM | 27.90 | 28.43 | 5.38% | | | N/A | | |
| VIC | 100.60 | TĂNG | TĂNG | 102.00 | 99.07 | -1.37% | | 111.50 | 92.44 | -9.78% | |
| VIP | 7.06 | TĂNG | GIẢM | 7.12 | 6.80 | -0.84% | | | 7.29 | | |
| VJC | 143.60 | GIẢM | TĂNG | | 150.89 | | | 156.00 | 130.21 | -7.95% | |
| VNM | 136.90 | TĂNG | GIẢM | 132.00 | 133.82 | 3.71% | | | 139.87 | | |
| VPB | 26.35 | TĂNG | GIẢM | 25.80 | 25.67 | 2.13% | | | 30.02 | | |
| VRC | 24.40 | TĂNG | TĂNG | 17.75 | 23.62 | 37.46% | | 19.35 | 19.68 | 26.10% | |
| VRE | 41.70 | TĂNG | GIẢM | 39.50 | 39.45 | 5.57% | | | 43.79 | | |
| VSC | 44.45 | TĂNG | TĂNG | 42.90 | 40.94 | 3.61% | | 35.30 | 35.98 | 25.92% | |
| VSH | 17.55 | GIẢM | TĂNG | | 17.61 | | | 17.40 | 16.64 | 0.86% | |



We Create Fortune

Sàn GDCK TPHCM (HSX)

| | Điểm | Chg% |
|----------|----------|------|
| VNI | 1,023.62 | 0.32 |
| VN30 | 993.61 | 0.30 |
| VN Mid | 1,078.76 | 0.85 |
| VN Small | 864.80 | 0.36 |

Sàn GDCK Hà Nội (HSX)

| | Điểm | Chg% |
|-----------|----------|------|
| HNI | 116.27 | 0.85 |
| HN30 | 216.91 | 0.58 |
| VNX AllSh | 1,435.37 | 0.35 |

Sàn GDCK UPCoM (UPCoM)

| | Điểm | Chg% |
|-------|-------|------|
| UPCoM | 54.55 | 0.26 |

| GDKN | GTGD (tỷ VND) | |
|---------|---------------|--|
| Mua | 470.93 | |
| Bán | 905.39 | |
| GT rỗng | (434.46) | |

| GDKN | GTGD (tỷ VND) | |
|---------|---------------|--|
| Mua | 59.77 | |
| Bán | 30.25 | |
| GT rỗng | 29.52 | |

| GDKN | GTGD (tỷ VND) | |
|---------|---------------|--|
| Mua | 44.63 | |
| Bán | 42.29 | |
| GT rỗng | 2.34 | |

| Mã tăng lớn nhất* | Giá trị thay đổi (VND) | Chg% |
|-------------------|------------------------|-------|
| HVG | 540 | 6.92% |
| LDG | 1100 | 6.29% |
| DXG | 1300 | 4.63% |
| VSC | 1950 | 4.59% |
| PVD | 900 | 4.29% |

| Mã tăng lớn nhất* | Giá trị thay đổi (VND) | Chg% |
|-------------------|------------------------|-------|
| NDN | 900 | 5.84% |
| DP3 | 4400 | 5.21% |
| TNG | 800 | 4.71% |
| SHS | 600 | 3.75% |
| NVB | 300 | 3.30% |

| Mã tăng lớn nhất* | Giá trị thay đổi (VND) | Chg% |
|-------------------|------------------------|-------|
| MPC | 1000 | 1.97% |
| GVR | 200 | 1.92% |
| NTC | 1300 | 1.72% |
| QNS | 600 | 1.48% |
| HVN | 500 | 1.27% |

| Mã giảm lớn nhất* | Giá trị thay đổi (VND) | Chg% |
|-------------------|------------------------|--------|
| SJF | -1,400 | -6.83% |
| DHG | -3,000 | -3.09% |
| GTN | -300 | -2.46% |
| TTF | -120 | -2.23% |
| QCG | -200 | -2.17% |

| Mã giảm lớn nhất* | Giá trị thay đổi (VND) | Chg% |
|-------------------|------------------------|--------|
| VCS | -5,800 | -5.87% |
| TV2 | -400 | -0.28% |

| Mã giảm lớn nhất* | Giá trị thay đổi (VND) | Chg% |
|-------------------|------------------------|--------|
| POW | -100 | -0.60% |
| MCH | -400 | -0.44% |

*GTVH > 500 tỷ đồng, GTDG > 1.5 tỷ đồng

| GTVH cao nhất | Tỷ đồng | |
|---------------|---------|--|
| VIC | 321,077 | |
| VHM | 274,928 | |
| VNM | 238,401 | |
| GAS | 237,330 | |
| VCB | 226,659 | |

| GTVH cao nhất | Tỷ đồng | |
|---------------|---------|--|
| ACB | 42,404 | |
| VCS | 14,880 | |
| SHB | 10,948 | |
| PVS | 10,899 | |
| VCG | 8,437 | |

| GTVH cao nhất | Tỷ đồng | |
|---------------|---------|--|
| ACV | 187,233 | |
| BSR | 62,630 | |
| MCH | 54,955 | |
| HVN | 49,869 | |
| GVR | 42,400 | |

| KLGD nhiều nhất | Giá trị (triệu) | TB 30 ngày |
|-----------------|-----------------|------------|
| HPG | 11.91 | 6.17 |
| STB | 8.96 | 8.30 |
| GEX | 5.82 | 2.63 |
| HSG | 4.54 | 4.85 |
| FLC | 4.21 | 8.86 |

| KLGD nhiều nhất | Giá trị (triệu) | TB 30 ngày |
|-----------------|-----------------|------------|
| PVS | 6.76 | 6.33 |
| SHB | 5.76 | 9.15 |
| ACB | 3.18 | 4.25 |
| NVB | 2.72 | 1.84 |
| VCG | 2.62 | 1.84 |

| KLGD nhiều nhất | Giá trị (triệu) | TB 30 ngày |
|-----------------|-----------------|------------|
| BSR | 4.39 | 3.30 |
| ART | 3.58 | - |
| POW | 3.30 | 2.50 |
| OIL | 1.59 | 2.88 |
| LPB | 1.25 | 1.77 |

Nguồn: Bloomberg & Yuanta Research

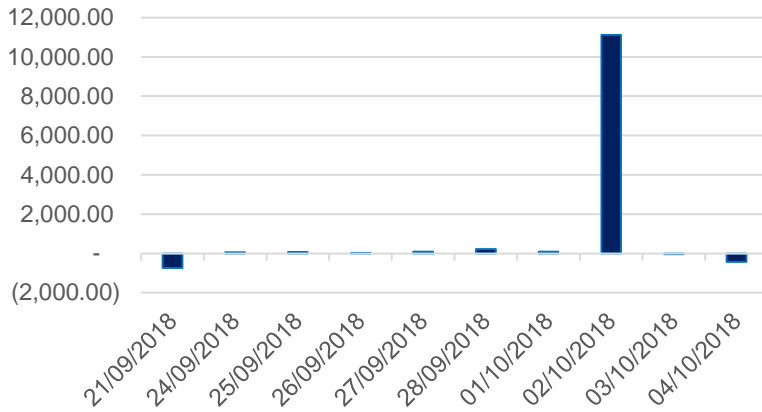
Nguồn: Bloomberg & Yuanta Research

Nguồn: Bloomberg & Yuanta Research



We Create Fortune

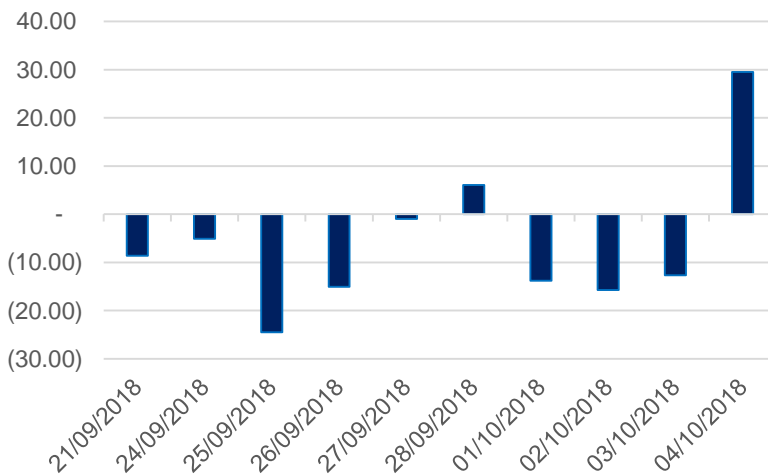
Diễn biến Mua/Bán ròng Khối ngoại HSX



| Mã CK | Giá trị mua ròng (triệu VNĐ) | Mã CK | Giá trị Bán ròng (triệu VNĐ) |
|-------|------------------------------|-------|------------------------------|
| DHG | 29,889 | HPG | (194,175) |
| KBC | 11,025 | MSN | (90,818) |
| CTG | 7,145 | VCB | (54,184) |
| DGW | 5,739 | VJC | (29,771) |
| SSI | 4,324 | HDB | (19,458) |

TOP 5 Cổ phiếu khối ngoại Mua/Bán trên sàn HSX

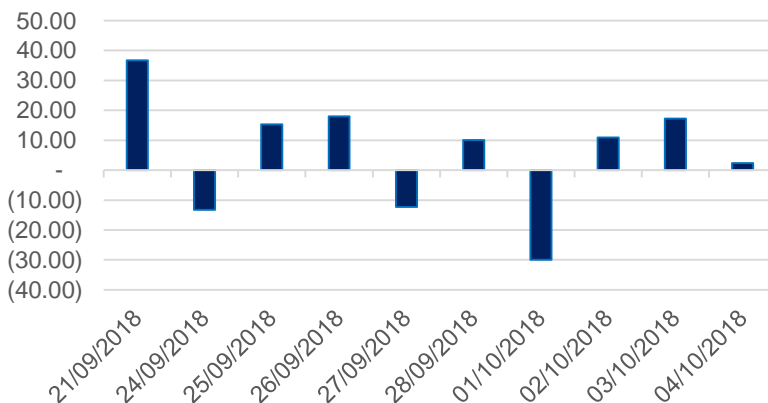
Diễn biến Mua/Bán ròng Khối ngoại HNX



| Mã CK | Giá trị mua ròng (triệu VNĐ) | Mã CK | Giá trị Bán ròng (triệu VNĐ) |
|-------|------------------------------|-------|------------------------------|
| PVS | 39,214 | VGC | (7,057) |
| CEO | 2,954 | ACB | (6,291) |
| LHC | 705 | PVB | (2,051) |
| MST | 538 | BVS | (497) |
| DTD | 411 | VCG | (356) |

TOP 5 Cổ phiếu khối ngoại Mua/Bán trên sàn HNX

Diễn biến Mua/Bán ròng Khối ngoại Upcom



| Mã CK | Giá trị mua ròng (triệu VNĐ) | Mã CK | Giá trị Bán ròng (triệu VNĐ) |
|-------|------------------------------|-------|------------------------------|
| VEA | 7,965 | BSR | (11,137) |
| QNS | 4,729 | VGT | (3,295) |
| POW | 3,835 | ACV | (1,935) |
| GEG | 640 | CTR | (137) |
| LTG | 561 | HVN | (104) |

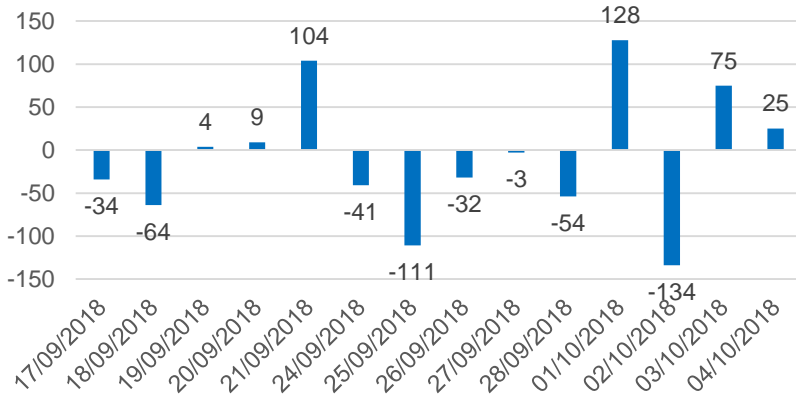
TOP 5 Cổ phiếu khối ngoại Mua/Bán trên sàn UPCoM



We Create **Fortune**

THỐNG KÊ GIAO DỊCH TỰ DOANH

Giá trị giao dịch tự doanh mua/bán ròng (tỷ đồng)

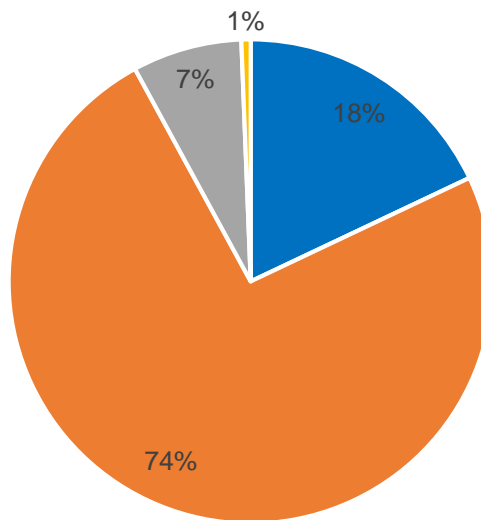


| Mã CK | Giá trị đặt mua (triệu VNĐ) | Mã CK | Giá trị đặt bán (triệu VNĐ) |
|------------|-----------------------------|------------|-----------------------------|
| NVL | 35,538 | NVL | 33,352 |
| HPG | 27,099 | VPB | 15,834 |
| MWG | 17,099 | HPG | 13,653 |
| VIC | 16,834 | VIC | 8,451 |
| MSN | 14,161 | SSI | 8,266 |

Top 5 các mã đặt GDTD lớn nhất

CƠ CẤU THỊ TRƯỜNG CHỨNG KHOÁN VIỆT NAM

Cơ cấu nhà đầu tư trên sàn HSX



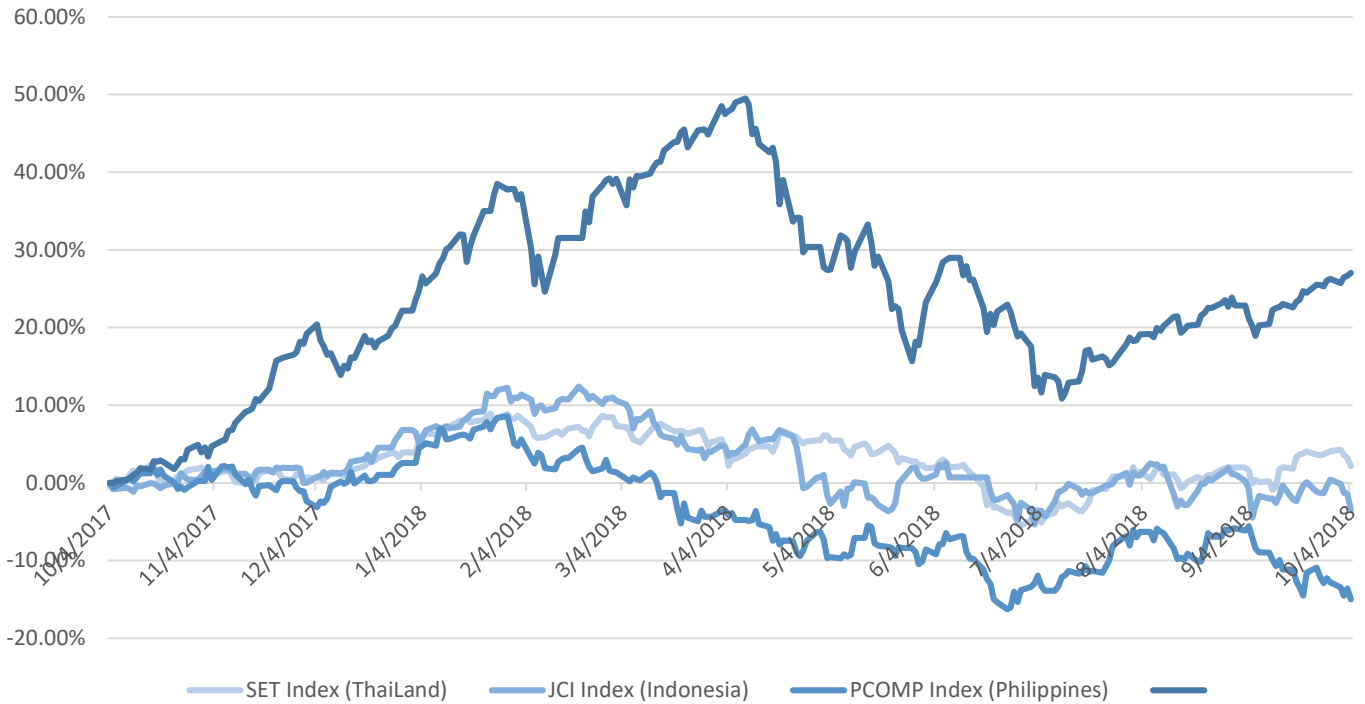
■ Tổ chức nước ngoài ■ Cá nhân trong nước ■ Tổ chức trong nước ■ Cá nhân nước ngoài

Nguồn: FiinPro – Yuanta Retail Research



We Create Fortune

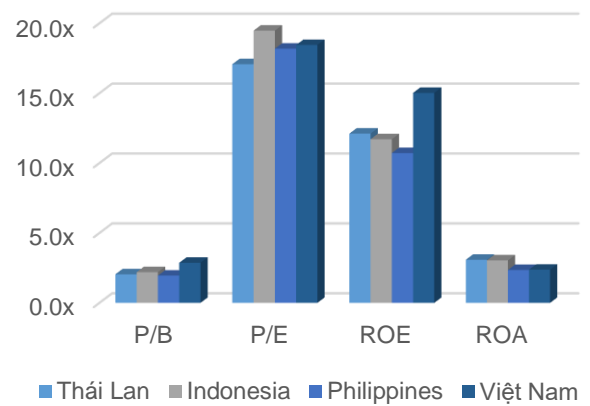
Diễn biến các thị trường trong khu vực



Dữ liệu thị trường các quốc gia trong khu vực

| | | Thái Lan | Indonesia | Philippines | Việt Nam |
|-----------|-----------|----------|-----------|-------------|----------|
| P/B | | 2.0x | 2.2x | 2.0x | 2.9x |
| P/E | | 17.1x | 19.5x | 18.2x | 18.4x |
| ROE | % | 12.11 | 11.71 | 10.72 | 15.02 |
| ROA | % | 3.08 | 3.04 | 2.36 | 2.38 |
| Vốn hóa | Tỷ USD | 538.33 | 437.40 | 166.90 | 139.87 |
| GTGD | Triệu USD | 1.62 | 0.29 | 0.04 | 0.15 |
| LS cổ tức | % | 2.93 | 2.36 | 1.66 | 2.06 |

Nguồn: Bloomberg & Yuanta Research





We Create **Fortune**

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN YUANTA VIỆT NAM

Phòng phân tích khối khách hàng cá nhân

Nguyễn Thế Minh

Giám đốc Nghiên cứu Phân tích

+84 28 3622 6868 ext 3826

minh.nguyen@yuanta.com

Quách Đức Khánh

Chuyên viên phân tích cao cấp

+84 28 3622 6868 ext 3833

khanh.quach@yuanta.com

Nguyễn Trịnh Ngọc Hồng

Chuyên viên phân tích

+84 28 3622 6868 ext 3832

hong.nguyen@yuanta.com

Phòng Môi giới khách hàng cá nhân

Nguyễn Thanh Tùng

Giám đốc Môi giới Hội Sở

+84 28 3622 6868 ext 3609

tung.nguyen@yuanta.com.vn

Chung Kim Hoa

Giám đốc Khối khách hàng người Hoa

+84 28 3622 6868 ext 3828

hoa.chung@yuanta.com.vn

Phù Vĩnh Quế

Giám đốc chi nhánh Chợ Lớn

+84 28 3622 6868

que.phu@yuanta.com.vn

Nguyễn Việt Quang

Giám đốc chi nhánh Hà Nội

+84 28 3622 6868 ext 3404

quang.nguyen@yuanta.com.vn

Võ Thị Thu Thủy

Giám đốc chi nhánh Bình Dương

+84 28 3622 6868 ext 3505

thuy.vo@yuanta.com.vn

Bùi Quốc Phong

Giám đốc chi nhánh Đồng Nai

+84 28 3622 6868

phong.bui@yuanta.com.vn

Nguyễn Đức Hoàn

Giám đốc trung tâm kinh doanh

Nam Hà Nội

+84 28 3622 6868 ext 3409

hoan.nguyen@yuanta.com.vn



We Create **Fortune**

Appendix A: Important Disclosures

Analyst Certification

Each research analyst primarily responsible for the content of this research report, in whole or in part, certifies that with respect to each security or issuer that the analyst covered in this report: (1) all of the views expressed accurately reflect his or her personal views about those securities or issuers; and (2) no part of his or her compensation was, is, or will be, directly or indirectly, related to the specific recommendations or views expressed by that research analyst in the research report.

Ratings Definitions

BUY: We have a positive outlook on the stock based on our expected absolute or relative return over the investment period. Our thesis is based on our analysis of the company's outlook, financial performance, catalysts, valuation and risk profile. We recommend investors add to their position.

HOLD-Outperform: In our view, the stock's fundamentals are relatively more attractive than peers at the current price. Our thesis is based on our analysis of the company's outlook, financial performance, catalysts, valuation and risk profile.

HOLD-Underperform: In our view, the stock's fundamentals are relatively less attractive than peers at the current price. Our thesis is based on our analysis of the company's outlook, financial performance, catalysts, valuation and risk profile.

SELL: We have a negative outlook on the stock based on our expected absolute or relative return over the investment period. Our thesis is based on our analysis of the company's outlook, financial performance, catalysts, valuation and risk profile. We recommend investors reduce their position.

Under Review: We actively follow the company, although our estimates, rating and target price are under review.

Restricted: The rating and target price have been suspended temporarily to comply with applicable regulations and/or Yuanta policies.

Note: Yuanta research coverage with a Target Price is based on an investment period of 12 months. Greater China Discovery Series coverage does not have a formal 12 month Target Price and the recommendation is based on an investment period specified by the analyst in the report.

Global Disclaimer

© 2018 Yuanta. All rights reserved. The information in this report has been compiled from sources we believe to be reliable, but we do not hold ourselves responsible for its completeness or accuracy. It is not an offer to sell or solicitation of an offer to buy any securities. All opinions and estimates included in this report constitute our judgment as of this date and are subject to change without notice.

This report provides general information only. Neither the information nor any opinion expressed herein constitutes an offer or invitation to make an offer to buy or sell securities or other investments. This material is prepared for general circulation to clients and is not intended to provide tailored investment advice and does not take into account the individual financial situation and objectives of any specific person who may receive this report. Investors should seek financial advice regarding the appropriateness of investing in any securities, investments or investment strategies discussed or recommended in this report. The information contained in this report has been compiled from sources believed to be reliable but no representation or warranty, express or implied, is made as to its accuracy, completeness or correctness. This report is not (and should not be construed as) a solicitation to act as securities broker or dealer in any jurisdiction by any person or company that is not legally permitted to carry on such business in that jurisdiction.

Yuanta research is distributed in the United States only to Major U.S. Institutional Investors (as defined in Rule 15a-6 under the Securities Exchange Act of 1934, as amended and SEC staff interpretations thereof). All transactions by a US person in the securities mentioned in this report must be effected through a registered broker-dealer under Section 15 of the Securities Exchange Act of 1934, as amended. Yuanta research is distributed in Taiwan by Yuanta Securities Investment Consulting. Yuanta research is distributed in Hong Kong by Yuanta Securities (Hong Kong) Co. Limited, which is licensed in Hong Kong by the Securities and Futures Commission for regulated activities, including Type 4 regulated activity (advising on securities). In Hong Kong, this research report may not be redistributed, retransmitted or disclosed, in whole or in part or any form or manner, without the express written